

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 240/2024/KDTM-PT

Ngày: 10/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Bằng

Các Thẩm phán : Ông Hoàng Ngọc Thành

Ông Nguyễn Đức Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 06 và 10/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử
phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 159/2024/TLPT-
KDTM ngày 17/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2025/KDTM-ST ngày
02/5/2024 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐXX-PT ngày 07/8/2024, Quyết
định hoãn phiên tòa số 545/2024/QĐ-HPT ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV H5 (gọi tắt là Công ty H5)

Trụ sở: Số B, Ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H-Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Luật sư Nguyễn Trường T – Văn phòng L1 thuộc
Đoàn Luật sư thành phố C. (Có mặt)

2. Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần H5 (gọi tắt là: MIC)

Trụ sở: Tầng E tòa nhà M, số B C, phường C, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ưông Đông H1– Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Lê Như H2 – Phó Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Hương L; ông Trần Bình D.
(*Theo giấy ủy quyền số 2332 ngày 22/11/2023*) (*Có mặt*)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty C1 (gọi tắt là : Công ty C1).

Trụ sở: Tầng B Sài Gòn T, số C T, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Cheng Yi C – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Phương N. (*Theo Giấy uỷ quyền số 10112023/GUQ ngày 16/11/2023*)

3.2 Công ty Cổ phần G.

Trụ sở: Tầng A Tòa nhà B H, đường L, phường N, quận T, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh Đ - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị H3. (*Theo Giấy uỷ quyền số 05/2023/UQ-SMART ngày 02/11/2023*) (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn do đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do nhu cầu trong việc hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH MTV H5 (*gọi tắt là Công ty H6*) cần mua 01 cần trục bánh xích, cố định trên sà lan để hoạt động thi công các công trình dưới nước, Công ty H5 đã liên hệ Công ty C1 (*gọi tắt là Công ty C2*). Sau khi bàn bạc thống nhất, Công ty H5 và Công ty C1 đã ký hợp đồng 03 bên ngày 21/01/2021 (*Hợp đồng B2101143C3-PC*) cùng với Công ty TNHH T5 để mua tài sản là Cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO DH600; SK: 64008; SM: 65482; Nước sản xuất: Nhật Bản; Năm sản xuất: 1993 với giá 3.000.000.000 VNĐ (*Ba tỷ đồng*).

Khi hoàn thành thủ tục mua bán, Công ty H5 được Công ty C1 hướng dẫn liên hệ Công ty H5 mua bảo hiểm vật chất đối với cần trục bánh xích nêu trên. Công ty H5 đã thực hiện việc ký kết hợp đồng và được Công ty H5 bàn giao Hợp đồng bảo hiểm 313/21/HD- KT.3/061-BGD; Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 và Quy tắc bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần H5 (*gọi tắt là MIC*).

Công ty H5 cũng đã hoàn thành thủ tục kiểm định trước khi đưa vào hoạt động đối với tài sản là cần trục bánh xích nêu trên.

Khoảng 17h00' ngày 22/3/2021, trong lúc đang thi công công trình cầu dẫn điện gió Sóc Trăng 7 thuộc địa bàn xã V, Thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, cần trục bánh xích Nippon Sharyo DH600 đã gặp sự cố: "*chân mâm quay bị đứt làm cho*

mâm quay (thót trên) bị trượt khỏi mâm quay (thót dưới) làm cho cần cầu bị đổ gây nghiêng xà lan khiến cho nước tràn vào hầm xà lan dẫn tới chìm xà lan”.

Ngay sau khi sự cố xảy ra, Công ty H5 đã lập tức thông báo cho Công ty H5 biết. Ngày 25/3/2021, theo yêu cầu của Công ty H5, Công ty cổ phần G đã cử ông Đặng Văn B - Giám định viên đến tiến hành các thủ tục ghi nhận sự kiện bảo hiểm và thực hiện việc giám định tài sản bị thiệt hại. Ngày 01/4/2021, Công ty G cùng các bên liên quan tiếp tục ghi nhận khi cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO DH600 đã được chuyển về cảng V có địa chỉ tại khu công nghiệp N sông H tỉnh Hậu Giang để tiến hành kiểm tra, khắc phục.

Trong thời gian yêu cầu bồi thường bảo hiểm, Công ty H5 nhận được báo cáo sơ bộ đề ngày 19/4/2021; Báo cáo chuyên tiếp đề ngày 15/6/2021 và Báo cáo cuối cùng đề ngày 17/8/2021 của Công ty cổ phần G. Trong các báo cáo này, Công ty G đã nêu luôn các điều khoản loại trừ bảo hiểm. Đây là điều mà Công ty H5 hoàn toàn không đồng ý, nó gây nên sự mất tính độc lập, minh bạch, công khai của đơn vị giám định.

Sau rất nhiều lần yêu cầu có T1 từ chối bồi thường từ Công ty H5 và Tổng Công ty Cổ phần H5, Công ty H5 vẫn không hề nhận được T1 từ chối bồi thường.

Văn bản 215/2022/MIC-GDBT ngày 08/4/2022 về việc phúc đáp văn bản khiếu nại ngày 30/3/2022 của Công ty H5 thì MIC đã thừa nhận: *“do trong quá trình hoạt động, bu lông của mâm quay toa cần trục bánh xích bị đứt làm toàn bộ thót trên của cabin và cần bị lật đổ làm nghiêng Sà lan khiến cho nước ngập tràn vào hầm Sà lan gây ngập toàn bộ máy và Sà lan trong nước biển”.*

Từ sự kiện bảo hiểm đã làm hư hỏng toàn bộ tài sản/thiệt bị được bảo hiểm và dẫn đến những tổn thất thực tế có liên quan trực tiếp đến đối tượng được bảo hiểm nên trước đây, Công ty H5 yêu cầu được bảo hiểm với số tiền cụ thể sau:

- 1/- Chi phí trục vớt, cứu hộ, vận chuyển: 520.000.000 đồng.
- 2/- Chi phí khắc phục cần trục sau khi trục vớt: 3.000.000.000 đồng.
- 3/- Chi phí thuê bãi 03 tháng: 15.000.000 đồng.
- 4/- Chi phí cầu thiết bị lên bãi thuê: 20.000.000 đồng.

Tổng cộng: 3.555.000.000 đồng.

Tuy nhiên, phía MIC đã cố tình viện dẫn nhiều lý do, trong đó có trích dẫn Điều 1 các điểm loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị của chủ thầu và điều khoản 3.1.2 điều khoản về máy móc thiết bị hoạt động trên Sà lan; tự ý đánh giá tỷ lệ tham gia bảo hiểm của Công ty H5 là 54.55% để rồi lên bảng tổng hợp tính toán, điều chỉnh và phương án cuối cùng chỉ đồng ý bồi thường cho

Công ty H7 **458.013.14 đồng**. Công ty H5 cho rằng việc MIC cố tình hiểu sai, cố tình viển dẫn không chính xác điều khoản loại trừ và cách tính, tự ý điều chỉnh tỷ lệ tham gia bảo hiểm của Công ty H6 còn 54,55% là trái luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H6.

Từ những căn cứ trên, Công ty H5 (Nguyên đơn) yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/- Yêu cầu Tòa án xem xét, buộc Tổng Công ty Cổ phần H5 (MIC) và Công ty H5 (Công ty H5) có trách nhiệm **liên đới** bồi thường cho Công ty TNHH MTV H5 tổng số tiền theo yêu cầu được bảo hiểm là **3.555.000.000 đồng**.

2/- Yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty Cổ phần H5 và Công ty H5 có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV H5 số tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường bảo hiểm là 10%/năm, tính từ thời điểm thực hiện yêu cầu bồi thường bảo hiểm cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ bồi thường.

Tạm tính từ thời điểm Công ty TNHH MTV H5 có văn bản yêu cầu bồi thường bảo hiểm là ngày 28/6/2021 đến ngày 28/9/2022 là 15 tháng. Cụ thể: $3.555.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \times 15/12 = 444.375.000 \text{ đồng}$.

Tổng (1) + (2), Công ty TNHH MTV H5 yêu cầu Tổng Công ty cổ phần H5 và Công ty H5 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty số tiền: 3.999.375.000 đồng. Tiếp tục tính lãi chậm trả theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV H5 cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

2. Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty CP H5 (MIC) trình bày:

Ngày 27/01/2021, Công ty H5 và Công ty H5 có ký kết Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD, đối tượng bảo hiểm là cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO DH 600, sản xuất năm 1993, số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng.

Quá trình ký kết hợp đồng bảo hiểm, các bên cùng cam kết đã xem xét kỹ, hiểu rõ, chấp nhận và thực hiện đúng toàn bộ nội dung của Hợp đồng này và các Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm kèm theo. Sau khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, H5 đã bàn giao đầy đủ bộ tài liệu hợp đồng bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm. Nội dung này, Công ty H5 cũng xác nhận tại Đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và Bản tự khai ngày 24/12/2022, cụ thể: “*Chúng tôi đã thực hiện việc ký kết hợp đồng và được Công ty H5 bàn giao Hợp đồng bảo hiểm 313/21/HD-KT.3/061-BGD; Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ*

thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 và Quy tắc bảo hiểm của Tổng công ty H5”.

Ngày 22/3/2021, khi cần trục bánh xích được lắp đặt trên sà lan và làm việc tại công trường điện gió Sóc Trăng 7 đang trong quá trình đóng cọc thì xảy ra tổn thất. Ngay sau khi xảy ra tổn thất, các bên thống nhất chỉ định Công ty cổ phần G (sau đây gọi tắt là Giám định độc lập Smart) tiến hành thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Sau quá trình giám định và làm việc với các bên, ngày 07/8/2021, Giám định độc lập S phát hành Báo cáo giám định cuối cùng kết luận về nguyên nhân tổn thất và tính toán giá trị bồi thường bảo hiểm và gửi báo cáo giám định tới các bên.

Theo Điều 1 Các điểm loại trừ trong “*Quy tắc bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu*” ban hành kèm theo Quyết định số 126/2016/QĐ-MIC của MIC ngày 01/01/2016:

“MIC sẽ không chịu trách nhiệm đối với:

9) *Tổn thất hoặc thiệt hại là hậu quả trực tiếp của hoạt động liên tục (mài mòn, xói mòn, sét gủ, hư hại do thiếu sử dụng và do điều kiện không khí bình thường)”*.

Đồng thời, Công ty H5 có tham gia Điều khoản số 3.1.2 Hợp đồng bảo hiểm 313 - Điều khoản về máy móc/thiết bị hoạt động trên sà lan.

“Điều khoản về máy móc/thiết bị hoạt động trên sà lan, thiết bị nổi.

Cho dù trái ngược với các quy định, điều khoản điều kiện và các sửa đổi bổ sung của Quy tắc bảo hiểm này, các bên đồng ý và hiểu rằng những máy móc thiết bị được liệt kê dưới đây cũng được bảo hiểm khi được lắp đặt và hoạt động trên bộ máy bên cạnh mép nước hoặc trên sà lan hoặc cầu phao.

Tuy nhiên, Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:

- Bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại đối với máy móc lắp đặt trên sà lan hoặc cầu phao có nguyên nhân do mắc cạn hoặc chìm tại công trường mà không thể khắc phục

- Bất kỳ chi phí cứu hộ, trục vớt và dọn dẹp hiện trường trong suốt quá trình khắc phục trừ khi điều khoản về chi phí trục vớt cứu hộ được đính kèm hợp đồng bảo hiểm và phụ phí đã được thanh toán.”

Như vậy những chi phí cứu hộ, trục vớt và dọn dẹp hiện trường trong suốt quá trình khắc phục không được xem xét; những hạng mục hư hỏng sau khi cần trục bánh xích bị chìm trong nước biển không được xem xét (chỉ xem xét những hạng mục hư hỏng trước khi bị chìm trong nước); bulong liên kết giữa mâm

quay với thân cầu hư hỏng do quá trình hoạt động liên tục **mài mòn** không được xem xét.

Cụ thể như sau:

Đối với các hạng mục tổn thất trước khi cần trục bánh xích bị ngập, chìm trong nước sẽ được xem xét trách nhiệm bảo hiểm; những hạng mục tổn thất sau khi cần trục bánh xích bị ngập, chìm trong nước sẽ không được xem xét.

+ Đối với các hạng mục tổn thất trước khi cần trục bánh xích bị ngập, chìm sẽ được xem xét trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể là: Cần 36mx12.000.000/m, mâm quay toa, cặp Tó trung gian, bulon mâm và bulon ở đỡ của T2. Đối với các hạng mục này không xem xét khấu hao.

+ Đối với các hạng mục còn lại, tức là các hạng mục bị tổn thất sau khi cần trục bánh xích bị ngập và ngâm trong nước biển và bị oxi hóa sau đó gây ra tổn thất sẽ không được xem xét (thuộc điểm loại trừ theo nội dung của điều khoản số 3.1.2 của Hợp đồng bảo hiểm).

Sở dĩ có phân loại như trên là bởi vì, khi cần trục đang trong quá trình đóng cọc, tổn thất xuất phát điểm từ sự đứt gãy bu lông liên kết giữa mâm quay với thân cần làm sập khung cần đã làm cho 4 hạng mục bị tổn thất trực tiếp nêu trên còn các bộ phận, hạng mục khác không bị tổn thất tại thời điểm đó. Nhưng sau khi tổn thất sập khung cần xảy ra làm mất cân bằng sà lan, Công ty H5 (NĐBH) đã không có các biện pháp cứu hộ kịp thời và hạn chế tổn thất, để mặc làm toàn bộ cần trục trên sà lan bị chìm dần xuống nước biển dẫn đến các hạng mục không bị tổn thất còn lại đã bị ô xi hóa do ngập mặn.

+ Chi phí cứu hộ, vận chuyển cần trục bánh xích sẽ không được xem xét do trong Hợp đồng bảo hiểm, Công ty H6 không tham gia và không đóng phí bảo hiểm cho điều kiện bảo hiểm này, đồng thời không có điều khoản chi trả về chi phí trục vớt (thuộc điểm loại trừ theo nội dung của điều khoản số 3.1.2 của Hợp đồng bảo hiểm).

+ Xem xét hạng mục tổn thất bulon mâm và bulon ở đỡ của T2, hạng mục này là bu long liên kết giữa mâm quay với thân cần bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm tại Đ 9 Điều 1 Quy tắc bảo hiểm do đây là hậu quả của hoạt động liên tục mài mòn giữa các bulon liên kết.

Mặt khác, căn cứ theo Ghi nhớ 2 Điều 2– Cơ sở giải quyết bồi thường của Quy tắc bảo hiểm máy móc số 126:

“Trong trường hợp tổn thất xảy ra đối với hạng mục được bảo hiểm có thể sửa chữa được MIC sẽ thanh toán chi phí cần thiết liên quan để khôi phục lại trạng thái sử dụng của hạng mục bị thiệt hại như trước khi xảy ra sự cố cùng với các khoản chi phí tháo dỡ và lắp ráp lại với mục đích tiến hành sửa chữa

cũng như các chi phí vận chuyển thông thường tới xưởng sửa chữa hoặc ngược lại, ”.

Như vậy, chi phí trực vớt/cứu hộ trong trường hợp này sẽ bị loại trừ nhưng chi phí vận chuyển thông thường sẽ được xem xét. Giá trị vận chuyển thông thường theo chào giá của Công ty H5 là 50.000.000 VNĐ (chào giá do Hoàng Huỳnh Phú T3 cung cấp).

Ngay sau khi trực vớt thiết bị lên bờ đưa về xưởng sửa chữa, các bên liên quan đã cùng nhau đánh giá chi tiết mức độ tổn thất và nhận được các chào giá sửa chữa của các đơn vị sửa chữa như sau:

STT	Đơn vị chào giá	Đơn vị	Chào giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Minh Thường	Trọn gói	2.571.400.000	Báo giá do Hoàng Huỳnh Phú Tân cung cấp
2	Công ty TNHH MTV TM-DV Kỹ thuật Phúc Hưng	Trọn gói	2.616.800.000	Báo giá do Hoàng Huỳnh Phú Tân cung cấp
3	Công ty CP Cơ khí Công nghiệp HVC	Trọn gói	3.227.600.000	Báo giá do Smart thu thập

Trên cơ sở các chào giá đã nhận được như đã nêu trên, chào giá của Doanh nghiệp tư nhân C3 có giá trị thấp hơn được sử dụng làm cơ sở để tính toán.

Bảng tổng hợp chi phí khắc phục như sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	số lượng	Tính toán điều chỉnh thiệt hại (VNĐ)	Ghi chú
1	Thay mới cần	m	36	432.000.000	Cong vênh, biến dạng
2	Thay mới mâm quay toa	bộ	1	250.000.000	Móp méo, cong vênh
3	Thay mới cặp tó trung gian	bộ	1	130.000.000	Bị vận xoắn

4	Nhân công rã và ráp, cầu phục vụ	Trọn gói	1	115.412.632	Tính theo tỷ lệ trên tổng báo giá
5	Chi phí vận chuyển	Trọn gói	1	50.000.000	
Tổng cộng				977.412.632	

Đánh giá tỷ lệ tham gia bảo hiểm:

Theo Ghi nhớ 1 – Số tiền bảo hiểm thuộc Điều 2 Các điều khoản tại Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu:

“Ghi nhớ 1 – Số tiền bảo hiểm:

Yêu cầu của loại hình bảo hiểm này là số tiền được bảo hiểm của hạng mục được bảo hiểm phải bằng giá trị thay thế của một hạng mục mới tương tự cùng loại và cùng công suất, trong đó giá trị thay thế sẽ bao gồm chi phí vận chuyển, các khoản lệ phí và thuế hải quan, nếu có và chi phí lắp đặt. Nếu số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị thực tế cần phải bảo hiểm thì MIC chỉ chi trả số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị cần bảo hiểm”.

Theo Điều 43 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, 2010 quy định về hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị như sau:

“Điều 43. Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị

1. Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị là hợp đồng trong đó số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.

2. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.”.

Như vậy, tỷ lệ bảo hiểm sẽ được tính toán trên **giá máy mới** tương đương có cùng tính năng, công suất và chủng loại. Theo bản chào giá của Công ty CP P tại Mục 5 Phụ lục báo cáo giám định số 2021/02/019/MIC ngày 07/08/2021, giá máy mới tại thời điểm xảy ra tổn thất là 5.500.000.000 VNĐ.

Tỷ lệ bảo hiểm đối với tổn thất này = 3.000.000.000 VNĐ/5.500.000.000 VNĐ = 54.55%.

Tính toán giá trị thu hồi:

Giá trị thu hồi đối với các hạng mục thuộc trách nhiệm của bảo hiểm theo đề xuất của Giám định Smart là: 5.623,15kg x 7.900 VNĐ/kg = **24.230.673 đồng**.

Mức khấu trừ: 10% giá trị tổn thất, tối thiểu 20.000.000 đồng (*Điều 5 Hợp đồng bảo hiểm*).

Bảng tổng hợp tính toán điều chỉnh:

TT	Hạng mục	Điều chỉnh (VNĐ)
1	Chi phí sửa chữa khắc phục điều chỉnh	927.412.632
2	Chi phí vận chuyển	50.000.000
3	Cộng (1+2)	977.412.632
4	Điều chỉnh theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm (3)*54.55%	533.134.163
5	Cần trừ thu hồi phế liệu	24.230.673
6	Chi phí khắc phục sau khi điều chỉnh tỷ lệ tham gia bảo hiểm và cần trừ thu hồi phế liệu (4)-(5)	508.903.490
7	Mức miễn thường: 10% tổn thất, tối thiểu 20.000.000/vụ tổn thất	50.890.349
8	Phương án tính toán	458.013.141

Giá trị pháp lý của báo cáo giám định:

Căn cứ Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định như sau:

“Điều 48. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp B2 hoặc người được doanh nghiệp B2 thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Chi phí giám định tổn thất do doanh nghiệp bảo hiểm chịu ...”.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi xảy ra tổn thất hàng hóa, căn cứ theo Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 7.3, Điều 7.4 của Hợp đồng bảo hiểm, MIC và Công ty H5 chỉ định Công ty cổ phần G giám định nguyên nhân tổn thất, tính toán giá trị tổn thất, phát hành báo cáo giám định là đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Giám định viên của đơn vị giám định độc lập S là người có chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm cần thiết, chức năng thực hiện việc giám định theo quy định của pháp luật về lĩnh vực có đối tượng cần giám định mà các bên đang tranh chấp. Vì vậy, Báo cáo giám định có giá trị pháp lý và là cơ sở giải quyết bồi thường đối với các bên trong vụ tổn thất này. Các bên cần tôn trọng kết quả giám định.

Từ những phân tích trên, MIC chỉ chấp nhận bồi thường số tiền **458.013.141 đồng** cho Công ty H5 và đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

3. Trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 trình bày:

Do Công ty H5 có nhu cầu sử dụng Cần trục bánh xích để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và có yêu cầu Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 (gọi tắt là “Công ty C1”) cho thuê tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B2101143C3 (gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, Công ty C1 là bên cho thuê tài chính, Công ty H5 là bên thuê tài chính, tài sản thuê là: Cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO DH600, biển số 64008.

Theo khoản 1 Điều 17 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP về hoạt động của công ty C1 và công ty cho thuê tài chính thì Công ty C1 với tư cách là tổ chức tín dụng, là bên cho thuê và là chủ sở hữu tài sản thuê trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Theo khoản 4 Điều 20 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP và Điều 19.3 Hợp đồng thuê thì bên thuê trong hợp đồng thuê mà cụ thể là Công ty H5 là chủ thể chịu trách nhiệm mua bảo hiểm và thanh toán tiền phí bảo hiểm cho công ty H5.

Theo quy định tại Điều 19.1 Hợp đồng thuê, Công ty C1 là người thụ hưởng đầu tiên và duy nhất khi xảy ra bất kỳ rủi ro cũng như tổn thất nào đối với tài sản thuê.

Theo khoản 1 khoản 9 Điều 20 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP và Điều 15.1 Hợp đồng thuê thì bên thuê trong hợp đồng thuê chính là chủ thể thực hiện giải quyết các tranh chấp liên quan đến tài sản thuê trong suốt thời hạn thuê của hợp đồng. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp hợp đồng bảo hiểm với Công ty H5 thì Công ty H5 có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định để giải quyết tranh chấp.

Từ những phân tích trên, Công ty C1 không có ý kiến gì đối với tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn và bị đơn. Khi Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét Công ty C1 là người thụ hưởng duy nhất theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê.

3.2 Công ty CP G trình bày:

Công ty CP G được Tổng công ty CP H5 (MIC) và Công ty H5 chỉ định để tiến hành công tác giám định cho tổn thất cần trục bánh xích NIPPON SHARYO DH600 của Công ty TNHH MTV H5 tại Công trường điện gió S tỉnh Sóc Trăng xảy ra vào hồi 17h00 ngày 22/3/2021 (theo Hợp đồng bảo hiểm số 313/21/HD-KT.3/061-BGD)

Sau khi nhận được chỉ định giám định từ MIC, Công ty đã thực hiện các công việc để giám định tổn thất đối với đối tượng bảo hiểm và gửi báo cáo giám định cho MIC. Về quy trình giám định, Công ty CP G khẳng định đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1 Trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

1/Buộc Tổng Công ty Cổ phần H5 và Công ty H5 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV H5 tổng số tiền theo yêu cầu được bảo hiểm là **3.555.000.000 đồng**.

2/ Buộc Tổng Công ty Cổ phần H5 và Công ty H5 có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH MTV H5 số tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường bảo hiểm là 10%/năm, tính từ thời điểm thực hiện yêu cầu bồi thường bảo hiểm cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ bồi thường. Tạm tính đến ngày 28/3/2024 là **977.625.000 đồng**.

Tổng cộng số tiền Công ty H6 yêu cầu Tổng Công ty cổ phần H5 và Công ty H5 có trách nhiệm liên đới bồi thường là: **4.532.625.000 đồng**. Tiếp tục tính lãi chậm trả theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV H5 cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

- Đại diện bị đơn giữ nguyên toàn bộ quan điểm đã trình bày và chỉ đồng ý bồi thường **458.013.141 đồng**, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, với lý do: Hợp đồng bảo hiểm ký kết giữa các bên có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu với mức bồi thường là **458.013.141 đồng**.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên các quan điểm đã trình bày và khẳng định:

Việc Công ty CP G thực hiện giám định là theo sự chỉ định của Công ty H5 và MIC. Khi thực hiện xong việc giám định, Công ty đã gửi kết quả giám định cho 2 bên. Quá trình thực hiện giám định, Công ty CP G đã thực hiện đúng theo quy trình và quy định của Luật Giám định.

Công ty C1 vắng mặt.

4.2 Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2024/KDTM-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV H5 đối với Tổng công ty CP H5.

2. Buộc Tổng công ty CP H5 phải bồi thường thiệt hại phát sinh từ sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với tài sản bảo hiểm là cần trục bánh xích hiệu: NIPPON SHARYO DH600; SK: 64008; SM: 65482 theo Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 giữa Công ty

TNHH MTV H5 đối với Tổng công ty CP H5, với số tiền bồi thường là **479.860.731 đồng**.

Số tiền bồi thường nêu trên được Tổng công ty CP H5 thanh toán cho người thụ hưởng là Công ty C1.

3. Bác các yêu cầu khác của nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung kháng cáo

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty TNHH MTV H5 (nguyên đơn) đã kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2025/KDTM-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ nào khác.

6. Trình bày của các đương sự tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH MTV H5 (nguyên đơn) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

6.1 Công ty TNHH MTV H5 (nguyên đơn) trình bày các nội dung kháng cáo như sau:

MIC đã có tình viện dẫn nhiều lý do, trong đó có trích dẫn Điều 1 các điểm loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị của chủ thầu và điều khoản 3.1.2 điều khoản về máy móc thiết bị hoạt động trên Sà lan; tự ý đánh giá tỷ lệ tham gia bảo hiểm của Công ty H5 là 54.55% để rồi lên bảng tổng hợp tính toán, điều chỉnh và phương án cuối cùng chỉ đồng ý bồi thường cho Công ty H5 **458.013.14 đồng** là có tình hiểu sai, có tình viện dẫn không chính xác điều khoản loại trừ. MIC tính và tự ý điều chỉnh tỷ lệ tham gia bảo hiểm của Công ty H5 chỉ còn 54,55% là trái luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty H5.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu MIC phải bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục cần trực theo đề xuất của Công ty G với mức báo giá sửa chữa, khắc phục thiệt hại của Doanh nghiệp tư nhân M là **2.571.400.000 đồng**, sau khi trừ đi mức miễn thường 10% tổn thất thì số tiền bảo hiểm phải bồi thường là **2.359.260.000 đồng**. Cụ thể như sau:

- Đối với 05 hạng mục MIC xác định bị tổn thất trước khi bị chìm trong nước, MIC phải bồi thường số tiền bảo hiểm là **888.671.369 đồng**. Cụ thể theo Bảng tổng hợp sau:

TT	Hạng mục	Điều chỉnh (VNĐ)
1	Chi phí sửa chữa khắc phục điều chỉnh	937.412.632
2	Chi phí vận chuyển	50.000.000
3	Cộng (1+2)	987.412.632
4	Mức miễn thường: 10% tổn thất, tối thiểu 20.000.000/vụ tổn thất	98.741.263
5	Số tiền phải bồi thường: (3-4)	888.671.369

- Đối với 13 hạng mục MIC xác định bị tổn thất sau khi cần trục bị chìm trong nước, MIC phải bồi thường số tiền bảo hiểm là **1.470.588.631 đồng**. Cụ thể theo Bảng tổng hợp sau:

TT	Hạng mục	Điều chỉnh (VNĐ)
1	Chi phí sửa chữa khắc phục điều chỉnh	1.633.987.368
2	Mức miễn thường: 10% tổn thất, tối thiểu 20.000.000/vụ tổn thất	163.398.737
3	Số tiền phải bồi thường: (1-2)	1.470.588.631

Tổng cộng: 888.571.369 đồng + 1.470.588.631 đồng = 2.359.260.000 đồng.

*** Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả:**

Ngày 07/8/2021, Công ty G có Báo cáo cuối cùng xác định nguyên nhân tổn thất. Ngày 17/9/2021, MIC có Văn bản số 818/2021/MIC-GĐBT-TSKT đề nghị Công ty H5 xác nhận phương án giải quyết bồi thường là 458.013.141 đồng đề MIC tiến hành thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Do đó, có cơ sở xác định MIC đã chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Công ty H5 từ ngày 17/9/2021 nên MIC phải có nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm cho Công ty H5 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 17/9/2021, tức là từ ngày 03/10/2021.

Tuy nhiên, Công ty H5 chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả đối với một phần số tiền bồi thường 888.671.369 đồng; còn đối với số tiền còn lại là 1.470.588.631 đồng không yêu cầu tính lãi do phần này các bên còn đang có cách hiểu khác nhau về quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Số tiền lãi MIC phải thanh toán cho Công ty H5 tạm tính từ ngày 03/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/5/2024 (943 ngày) là:

888.671.369 đồng x 10%/năm x 943 ngày = 229.593.726 đồng.

Như vậy, tổng số tiền MIC phải bồi thường bảo hiểm cho Công ty H5 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/5/2024 là: **2.588.853.726 đồng**, trong đó: tiền gốc **2.359.260.000 đồng** và tiền lãi chậm trả là **229.593.726 đồng**.

Đồng thời, Công ty H5 đề nghị Tòa án xem xét sửa phần bản án sơ thẩm tuyên buộc MIC phải thanh toán tiền bảo hiểm cho Công ty H5 (là bên mua bảo

hiểm) mà không phải là cho Công ty C1. Nếu giữa Công ty H5 và Công ty C1 có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Và sau khi thanh toán xong tiền bồi thường, đề nghị Tòa án giao lại tài sản bảo hiểm là cần trục bán xích cho Công ty H5 được xử lý theo quy định để giảm bớt thiệt hại vì hiện nay cần trục bán xích Công ty H5 đang quản lý và hàng tháng phải thanh toán tiền thuê kho bãi.

6.2 Tổng công ty CP H5 (bị đơn) trình bày:

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty H5, H5 đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn - Công ty H5, MIC không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm với những lý do sau đây:

- Ngày 27/01/2021, Công ty H5 và Công ty H5 có ký kết Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD, đối tượng bảo hiểm là cần trục bán xích hiệu NIPPON SHARYO DH 600, sản xuất năm 1993, số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng. Hợp đồng bảo hiểm trên là hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị theo quy định tại Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, vì: Theo Quy tắc bảo hiểm máy móc và thiết bị chủ thầu ban hành kèm theo Quyết định số 126/2016/QĐ-MIC ngày 01/01/2016 thì tại Ghi nhớ 1 – Số tiền bảo hiểm, Điều 2 – Các Điều khoản – Quy tắc bảo hiểm quy định về phương thức xác định số tiền bảo hiểm các bên có thỏa thuận: “Yêu cầu của loại hình bảo hiểm này là số tiền được bảo hiểm của hạng mục được bảo hiểm phải bằng giá trị thay thế của một hạng mục mới tương tự cùng loại và cùng công suất, trong đó giá trị thay thế sẽ bao gồm chi phí vận chuyển, các khoản lệ phí và thuế hải quan, nếu có và chi phí lắp đặt. Nếu số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị thực tế cần phải bảo hiểm thì MIC chỉ chi trả số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị cần bảo hiểm”.”

Theo bản chào giá của Công ty CP P tại Mục 5 Phụ lục báo cáo giám định số 2021/02/019/MIC ngày 07/08/2021, giá máy mới tại thời điểm xảy ra tổn thất là 5.500.000.000 đồng. Do đó, tỷ lệ bảo hiểm đối với tổn thất này = 3.000.000.000 đồng/5.500.000.000 đồng = 54.55%.

Trước khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm, MIC không phải kiểm tra, thẩm định và định giá tài sản bảo hiểm vì theo Luật Kinh doanh bảo hiểm không quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm phải thẩm định và định giá tài sản. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, Công ty H5 phải có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực giá trị tài sản được bảo hiểm. Giá trị số tiền bảo hiểm 3.000.000.000 đồng là phù hợp với giá trị của tài sản theo kê khai của người được bảo hiểm và quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được thông báo tổn thất, MIC và Công ty H5 đã thống nhất chỉ định đơn vị giám định độc lập là Công ty Cổ phần G giám định nguyên nhân tổn thất, tính toán xác định, phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. Công ty G đã xác định tổng cộng 18 hạng mục bị tổn thất, trong đó có 04 hạng mục tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của MIC nên được xem xét đánh giá, còn các hạng mục còn lại thuộc điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại khoản 9 Điều 1 các điểm loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị của chủ thầu và khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm về máy móc thiết bị hoạt động trên Sà lan.

- MIC đồng ý với tính toán phạm vi trách nhiệm bảo hiểm mà Công ty Cổ phần G đã đề xuất. MIC giữ nguyên những căn cứ về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 458.013.141 đồng cho Công ty H5.

- Về yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm thanh toán:

Ngay sau khi nhận được yêu cầu bảo hiểm, MIC đã thực hiện các thủ tục cần thiết để giải quyết yêu cầu bảo hiểm và gửi Công ty H5 phương án giải quyết khiếu nại bảo hiểm. Việc MIC không thực hiện bồi thường là do Công ty H5 không đồng ý với giá trị bồi thường. Do đó, trong trường hợp này xác định MIC không có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền bảo hiểm nên không có căn cứ để yêu cầu tính lãi.

6.3 Công ty cổ phần G trình bày:

Sau khi xảy ra tổn thất, căn cứ theo Điều 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 7.3, Điều 7.4 của Hợp đồng bảo hiểm, MIC đã chỉ định Công ty cổ phần G giám định và được Công ty H5 đồng ý. Công ty G đã giám định nguyên nhân tổn thất, tính toán giá trị tổn thất, phát hành báo cáo giám định là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Báo cáo kết quả giám định, ngoài xác định nguyên nhân tổn thất, mức độ thiệt hại, Công ty G có tính toán xác định phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. Đối với nội dung này, Công ty G tính toán xác định trên cơ sở các quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm và chỉ có ý nghĩa đề xuất để MIC và Công ty H5 thỏa thuận trách nhiệm bồi thường.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực

hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 rút một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với các quy định của pháp luật; bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với các nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244, Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định Công ty H5 và Tổng Công ty CP H5 đã ký Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021. Đối tượng bảo hiểm: Cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO DH600, sản xuất năm 1993 tại Nhật Bản; Thời hạn bảo hiểm: 48 tháng. Số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng. Khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm, MIC không thông báo, không có giải thích hay có thỏa thuận nào xác định Hợp đồng bảo hiểm 313 là Hợp đồng dưới giá trị. Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, MIC và Công ty G mới thu thập giá của tài sản bảo hiểm và căn cứ bản photo báo giá duy nhất của Công ty V1 để xác định giá trị cần trục bánh xích – là tài sản bảo hiểm có giá thị trường là **5.500.000.000 đồng**, là giá của máy mới chưa qua sử dụng. Đồng thời, viện dẫn quy định tại Ghi nhớ 1 – Số tiền bảo hiểm và Điều 2 – Các Điều khoản – Quy tắc bảo hiểm quy định về phương thức xác định số tiền bảo hiểm để xác định Hợp đồng bảo hiểm 313 là Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị là có lợi cho bên Công ty Bảo hiểm, không phù hợp với quy định về giải thích hợp đồng theo quy định Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313 là Hợp đồng bảo hiểm tài sản đúng giá trị, số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng. MIC phải bồi thường cho Công ty H5 các thiệt hại thực tế xảy ra theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

Về sự kiện bảo hiểm và các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:

Căn cứ Báo cáo cuối cùng số 03 ngày 07/8/2021 của Công ty G có cơ sở xác định nguyên nhân gây ra tổn thất là do xung lực trong quá trình hoạt động đã làm bu lông liên kết mâm quay với thân bị đứt dẫn tới cần trục bánh xích Nippon Sharyo DH600 hoạt động trên sàn lan bị hư hỏng, thuộc phạm vi bảo hiểm và trường hợp được bảo hiểm theo Điều 2 và Điều 3.1.2 của Hợp đồng bảo hiểm. Công ty G và MIC xác định bu lông liên kết giữa mâm quay với thân cần trục bị đứt do “*bị mài mòn*” trong quá trình hoạt động liên tục là nguyên nhân thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo khoản 9 Điều 1 Quy tắc bảo hiểm và các thiệt hại cần trục bánh xích bị chìm trong nước thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa theo Khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm là có lợi cho công ty bảo hiểm, không phù hợp với quy định về giải thích hợp đồng

theo quy định Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và không đúng với nguyên nhân gây ra tổn thất theo báo cáo giám định. Do đó, Kháng cáo của Công ty H5 cho rằng toàn bộ thiệt hại thuộc trường hợp được bảo hiểm là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền bảo hiểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu MIC phải bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục cần trực theo đề xuất của Công ty G với mức báo giá sửa chữa, khắc phục thiệt hại và chi phí vận chuyển của Doanh nghiệp tư nhân M, sau khi trừ đi mức miễn thường 10% tổn thất, thì số tiền bảo hiểm phải thanh toán là **2.359.260.000 đồng**. Còn các yêu cầu bồi thường khác thì không yêu cầu. Số tiền yêu cầu bảo hiểm phải thanh toán là 2.359.260.000 đồng không vượt quá phạm vi số tiền bảo hiểm và phù hợp với thiệt hại thực tế xảy ra nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi do chậm thanh toán: Có cơ sở xác định MIC chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Công ty H5 từ ngày 17/9/2021 nên xác định MIC phải có nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm cho Công ty H5 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 17/9/2021. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty H5 không đồng ý với giá trị bồi thường của MIC nên MIC không phải chịu lãi chậm trả là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả đối với một phần số tiền bảo hiểm 888.671.369 đồng, mức lãi suất 10% năm. Còn đối với số tiền còn lại theo Hợp đồng bảo hiểm thì không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán do các bên có cách hiểu khác nhau, hiện còn đã tranh chấp. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu tính lãi trên của Công ty H5 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H5, căn cứ khoản Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty H5 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty H5 làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu MIC phải bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục cần trực theo đề xuất của Công ty G với

mức báo giá sửa chữa, khắc phục thiệt hại và chi phí vận chuyển của Doanh nghiệp tư nhân M, sau khi trừ đi mức miễn thường 10% tổn thất, thì số tiền bảo hiểm còn phải thanh toán là **2.359.260.000 đồng** và thanh toán tiền lãi chậm trả đối với một phần số tiền bảo hiểm 888.671.369 đồng, mức lãi suất 10% năm. Còn các yêu cầu bồi thường khác thì không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái với các quy định của pháp luật; bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với các nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244, Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Về Hợp đồng bảo hiểm:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định Công ty TNHH MTV H5 và Tổng Công ty CP H5 đã ký Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021. Đối tượng bảo hiểm: Cần trục bánh xích; Thời hạn bảo hiểm: 48 tháng kể từ 16 giờ ngày 27/01/2021 đến 16 giờ ngày 27/01/2025. Số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng. Phí bảo hiểm: 92.400.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, ngày 27/01/2021, Tổng Công ty CP H5 đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD cho Công ty TNHH MTV H5.

Xét thấy:

Việc ký hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty H5 và MIC trên cơ sở tự nguyện; Hình thức, nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 12, 13, 14, 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2019. Khi ký hợp đồng, các bên cam kết đã xem xét kỹ, hiểu rõ, chấp nhận và thực hiện đúng toàn bộ nội dung của Hợp đồng và các Quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm kèm theo (mục 11.4 Điều 11 Hợp đồng bảo hiểm). Hiện nay các bên không kháng cáo về tính pháp lý của Hợp đồng nên có hiệu lực pháp luật.

MIC và Công ty G cho rằng Công ty H5 tham gia bảo hiểm tài sản với số tiền tham gia bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng, trong khi đó theo báo giá của Công ty cổ phần P – VINACOMA, cần trục bánh xích hiệu NIPPON SHARYO

DH600, sản xuất năm 1993 tại Nhật Bản trên thị trường thực tế có đơn giá 5.500.000.000 đồng, từ đó xác định số tiền tham gia bảo hiểm đối với tài sản của Công ty H5 thấp hơn giá trị thực tế trên thị trường của tài sản cùng loại nên Hợp đồng bảo hiểm đã ký giữa MIC và Công ty H5 là hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị theo quy định tại Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và xác định MIC chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thị trường của tài sản được bảo hiểm trong trường hợp này là: $3.000.000.000/5.500.000.000 = 54,55\%$.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối tượng của Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 là Cần trục bánh xích NIPPON SHARYO DH600, sản xuất năm 1993 đã qua sử dụng, không phải là máy mới. Theo Hợp đồng mua bán cần trục bánh xích ngày 21/01/2021 giữa Công ty TNHH T6, Công ty C1 và Công ty H5 và Hóa đơn VAT ngày 21/01/2021 thể hiện giá của Cần trục bánh xích là 3.000.000.000 đồng.

Theo quy định Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010 thì Hợp đồng bảo hiểm dưới giá trị được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Ngày 27/01/2021, Công ty H5 và H5 ký kết Hợp đồng bảo hiểm 313. Các bên thỏa thuận xác định giá trị cần trục được bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng và số tiền bảo hiểm tham gia bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng, đúng bằng giá trị của cần trục được bảo hiểm. Công ty H5 đã cung cấp cho MIC đầy đủ thông tin và giá trị Hợp đồng mua bán của tài sản bảo hiểm, cũng như hóa đơn VAT. Tại Giấy chứng nhận bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu, MIC cũng đã xác định rõ “*Tổng giá trị máy móc thiết bị: 3.000.000.000 đồng; Số tiền bảo hiểm: 3.000.000.000 đồng*”. Do đó có cơ sở xác định giá của tài sản bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng đã được các bên xác định là **3.000.000.000 đồng**.

Theo quy định tại Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 về Giải thích hợp đồng bảo hiểm “*Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm*”.

Và quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 về Trách nhiệm cung cấp thông tin thì “*1. Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp B2 có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm*”.

Theo các tài liệu, chứng cứ và trình bày của các đương sự thể hiện, khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021, MIC không thông báo, không có giải thích hay có thỏa thuận nào xác định Hợp đồng bảo hiểm 313 là Hợp đồng dưới giá trị. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, MIC không tiến hành thẩm định và định giá lại tài sản bảo hiểm. MIC đồng ý ký kết Hợp đồng bảo hiểm 313 với số tiền bảo hiểm đúng bằng giá trị của tài sản bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng theo Hợp đồng mua bán

cần trực bánh xích ngày 21/01/2021. Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, MIC và Công ty G mới thu thập giá của tài sản bảo hiểm và căn cứ bản photo báo giá **duy nhất** của Công ty V1, không phải là cơ quan có chức năng hoặc thẩm quyền về thẩm định giá và định giá tài sản, để xác định giá trị cần trực bánh xích – là tài sản bảo hiểm có giá thị trường là 5.500.000.000 đồng, là giá của máy mới chưa qua sử dụng, mà không tiến hành thẩm định, xác minh hay tham khảo giá của Công ty nào khác là không phù hợp. Đồng thời, viện dẫn quy định tại Ghi nhớ 1 – Số tiền bảo hiểm và Điều 2 – Các Điều khoản – Quy tắc bảo hiểm quy định về phương thức xác định số tiền bảo hiểm để xác định Hợp đồng bảo hiểm 313 là Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị, MIC chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo tỷ lệ: $3.000.000.000/5.500.000.000 = 54,55\%$ là có lợi cho bên Công ty Bảo hiểm, không phù hợp với quy định về giải thích hợp đồng theo quy định Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

Do đó, có cơ sở xác định Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 là Hợp đồng bảo hiểm tài sản đúng giá trị, số tiền bảo hiểm là 3.000.000.000 đồng. MIC phải bồi thường cho Công ty H5 các thiệt hại thực tế xảy ra theo quy định tại Điều 46, Điều 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Kháng cáo của Công ty H5 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về sự kiện bảo hiểm và các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:

Căn cứ đơn yêu cầu bồi thường và lời trình bày của các bên trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Khoảng 17h00 ngày 22/3/2021, tại Công trường điện gió S tỉnh Sóc Trăng, khi đang trong quá trình làm việc thì cần trực bánh xích Nippon Sharyo DH600 đã gặp sự cố: “*chân mâm quay bị đứt làm cho mâm quay (thót trên) bị trượt khỏi mâm quay (thót dưới) làm cho cần cầu bị đổ gây nghiêng xà lan khiến cho nước tràn vào hầm xà lan dẫn tới chìm xà lan*”. Ngay sau khi cần trực bánh xích bị đổ, Công Hoàng Huỳnh Phú T4 đã thông báo đến Tổng Công ty CP H5 để thực hiện các thủ tục bảo hiểm theo quy định. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định sự kiện bảo hiểm phát sinh.

Tại Mục 4 (trang 2,3) Báo cáo cuối cùng ngày 7/8/2021 của Công ty G xác định: “*Thời điểm xảy ra tổn thất không có gió bão, thời tiết tốt. Nguyên nhân gây ra tổn thất đối với tài sản của người được bảo hiểm là do xung lực trong quá trình hoạt động công hưởng với tác động của sóng nước đã làm bulong liên kết mâm quay với thân bị đứt dẫn tới sự cố lật, chìm cần trực dần xuống biển*”.

Tại Khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm quy định về điều khoản bảo hiểm đối với máy móc/thiết bị hoạt động trên sà lan, thiết bị nổi như sau: “*Cho dù trái ngược với các quy định, điều khoản điều kiện và các sửa đổi bổ sung của Quy tắc bảo hiểm này, các bên đồng ý và hiểu rằng những máy móc thiết bị*

được liệt kê dưới đây cũng được bảo hiểm khi được lắp đặt và hoạt động trên bề mặt bên cạnh mép nước hoặc trên sàn lan hoặc cầu phao”.

Như vậy, do xung lực trong quá trình hoạt động đã làm bu lông liên kết mâm quay với thân bị đứt dẫn tới cần trục bánh xích Nippon Sharyo DH600 hoạt động trên sàn lan bị hư hỏng, thuộc phạm vi bảo hiểm và trường hợp được bảo hiểm theo Điều 2 và Điều 3.1.2 của Hợp đồng bảo hiểm.

** Về các điểm loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm:*

- Tại khoản 9 Điều 1 Quy tắc bảo hiểm quy định về điều khoản loại trừ bảo hiểm như sau: *“MIC sẽ không chịu trách nhiệm đối với: 9. Tổn thất hoặc thiệt hại là hậu quả trực tiếp của hoạt động liên tục (mài mòn, xói mòn, sét gủ, hu hại do thiếu sử dụng và do điều kiện không khí bình thường)”.*

Như đã phân tích ở trên, nguyên nhân làm cho bu lông liên kết mâm quay với thân bị đứt là do **xung lực trong quá trình hoạt động** đã dẫn tới cần trục bánh xích Nippon Sharyo DH600 đang hoạt động trên sàn lan bị hư hỏng, không có kết luận giám định nào xác định có nguyên nhân gây ra tổn thất là *“bị mài mòn do hoạt động liên tục”* hoặc *“mài mòn do thiếu sử dụng và do điều kiện không khí bình thường”* hoặc *“là hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản”*. Do đó, Công ty G và MIC xác định bu lông liên kết giữa mâm quay với thân cầu bị đứt do *“bị mài mòn”* trong quá trình hoạt động liên tục là nguyên nhân thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo khoản 9 Điều 1 Quy tắc bảo hiểm là tự suy luận, không có cơ sở và không phù hợp với kết luận giám định tại Mục 4 (trang 2,3) Báo cáo cuối cùng ngày 7/8/2021.

- Tại Khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm quy định về điều khoản loại trừ bảo hiểm như sau: *“...Điều khoản về máy móc/thiết bị hoạt động trên sàn lan, thiết bị nổi. ... Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:*

+ Bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại đối với máy móc lắp đặt trên sàn lan hoặc cầu phao có nguyên nhân do mắc cạn hoặc chìm tại công trường mà không thể khắc phục ...”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo kết luận giám định của Công ty G, thời điểm xảy ra tổn thất không có gió bão, thời tiết tốt; sàn lan và các máy móc, thiết bị trên Sàn lan hoạt động bình thường. Tổn thất xuất phát điểm từ sự đứt gãy bu lông liên kết giữa mâm quay với thân cầu bị đứt trong quá trình hoạt động làm sập khung cần trục. Sau khi khung cần trục bị đổ đã gây nghiêng xà lan, khiến cho nước tràn vào hầm xà lan dẫn tới làm xà lan và cần trục bị chìm xuống nước biển. Như vậy, nguyên nhân trực tiếp làm cho cần trục bánh xích bị chìm xuống nước và hư hỏng là xuất phát từ sự kiện bảo hiểm do khung cần trục bị đứt gãy. Đây là một chuỗi sự kiện diễn ra liên tục, có mối quan hệ nhân quả, trong đó cần trục bị chìm là hậu quả trực tiếp từ việc khung cần trục bị sập. Công ty G xác nhận nguyên nhân xà lan bị chìm là do cần trục bị sập làm nghiêng xà lan, không có nguyên nhân nào khác. Do đó, thiệt hại cần trục bánh xích bị chìm

trong nước vẫn thuộc phạm vi bảo hiểm và trường hợp được bảo hiểm theo Điều 2 và Điều 3.1.2 của Hợp đồng bảo hiểm.

MIC cho rằng tại Khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm các bên đã thỏa thuận về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với “*bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại đối với máy móc lắp đặt trên sàn lan hoặc cầu phao có nguyên nhân do mắc cạn hoặc chìm tại công trường*” nên việc cần trục bị chìm do bất kỳ lý do gì cũng sẽ thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Việc giải thích và áp dụng điều khoản về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như trên của MIC là có lợi cho công ty bảo hiểm, không phù hợp với quy định về giải thích hợp đồng theo quy định Điều 21 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và không đúng với nguyên nhân gây ra tổn thất. Vì trong trường hợp này, sàn lan và cần trục bánh xích đang hoạt động trong điều kiện bình thường, nguyên nhân bị chìm là do sự kiện bảo hiểm - cần trục bị gãy chứ không phải nguyên nhân nào khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Khoản 3.1.2 Điều 3 Hợp đồng bảo hiểm là không có căn cứ. Kháng cáo của Công ty H5 cho rằng toàn bộ thiệt hại thuộc trường hợp được bảo hiểm là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về số tiền yêu cầu bảo hiểm

Căn cứ phân tích nêu trên thì Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 là Hợp đồng bảo hiểm tài sản đúng giá trị nên MIC phải bồi thường bảo hiểm cho người được bảo hiểm 100% giá trị thiệt hại thực tế xảy ra. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của MIC, xác định Hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa các bên là Hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị, từ đó chỉ buộc MIC phải bồi thường thiệt hại theo tỷ lệ 54,55% là không phù hợp với giá trị thực tế của tài sản bảo hiểm và thỏa thuận giữa các bên.

Theo Quy tắc Bảo hiểm máy móc và thiết bị của chủ thầu ban hành theo Quyết định số 126/2016/QĐ-MIC ngày 01/01/2016 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần H5, cơ sở giải quyết bồi thường được quy định như sau: “*Trong trường hợp xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại, cơ sở để giải quyết bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này sẽ được quy định như sau:*

a) *Trường hợp tổn thất xảy ra đối với hạng mục được bảo hiểm có thể sửa chữa được – MIC sẽ thanh toán chi phí cần thiết liên quan để khôi phục lại trạng thái sử dụng của hạng mục bị thiệt hại như trước khi xảy ra sự cố cùng với các khoản chi phí tháo dỡ và lắp ráp lại với mục đích tiến hành sửa chữa cũng như các chi phí vận chuyển thông thường tới xưởng sửa chữa và ngược lại, các khoản lệ phí và thuế hải quan, nếu có, trong phạm vi của bảo hiểm này và các khoản chi phí đó được bao gồm trong số tiền được bảo hiểm...”*

Tại báo cáo giám định, Công ty G đã xác định 18 hạng mục bị tổn thất và đề xuất chi phí sửa chữa thay thế. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu MIC phải bồi thường thiệt hại và chi phí khắc

phục cần trục theo đề xuất của Công ty G với mức báo giá sửa chữa, khắc phục thiệt hại và chi phí vận chuyển của Doanh nghiệp tư nhân M, số tiền sửa chữa, khắc phục là 2.571.400.000 đồng, sau khi trừ đi mức miễn thường 10% tổn thất, thì số tiền bảo hiểm phải thanh toán là **2.359.260.000 đồng**. Hội đồng xét xử nhận thấy, 18 hạng mục bị tổn thất theo kết luận giám định của Công ty G phù hợp với các diễn biến sự kiện bảo hiểm, đã được các bên thừa nhận nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tổng số tiền sửa chữa, khắc phục phải bảo hiểm là 2.359.260.000 đồng không vượt quá phạm vi số tiền bảo hiểm và phù hợp với các thiệt hại thực tế xảy ra nên có cơ sở để chấp nhận.

** Chi phí trực vớt, cứu hộ, vận chuyển: 520.000.000 đồng*

- Đối với chi phí trực vớt, cứu hộ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định tại Điều 244, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với chi phí vận chuyển:

Theo Ghi nhớ 2 Điều 2- Cơ sở giải quyết bồi thường của Quy tắc bảo hiểm máy móc số 126: “*Trong trường hợp tổn thất xảy ra đối với hạng mục được bảo hiểm có thể sửa chữa được MIC sẽ thanh toán chi phí cần thiết liên quan để khôi phục lại trạng thái sử dụng của hạng mục bị thiệt hại như trước khi xảy ra sự cố cùng với các khoản chi phí tháo dỡ và lắp ráp lại với mục đích tiến hành sửa chữa cũng như các chi phí vận chuyển thông thường tới xưởng sửa chữa hoặc ngược lại.*”

Như vậy, chi phí vận chuyển thuộc phạm vi được bảo hiểm. MIC đồng ý với đề xuất của Công ty G giá trị vận chuyển thông thường theo báo giá của Công ty H5 là 50.000.000 đồng và các đương sự không kháng cáo về số tiền này nên có hiệu lực thi hành.

- Đối với chi phí thuê bãi 03 tháng: 15.000.000 đồng và chi phí cấu thiết bị lên bãi thuê: 20.000.000 đồng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử theo quy định tại Điều 244, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Mức khấu trừ:

Tại Điều 5 Hợp đồng bảo hiểm quy định về “mức khấu trừ” là 10% tổn thất, tối thiểu là 20.000.000 đồng. Mức khấu trừ này là khoản tiền Bên mua bảo hiểm tự gánh chịu trong trường hợp tổn thất xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm. Vì vậy, mức khấu trừ trong trường hợp này là: 10% giá trị tổn thất có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, MIC phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty H5 số tiền bảo hiểm là: **2.359.260.000 đồng**. Cụ thể theo Bảng tổng hợp sau:

TT	Hạng mục	Điều chỉnh (VNĐ)
1	Chi phí sửa chữa khắc phục điều chỉnh	2.571.400.000
2	Chi phí vận chuyển	50.000.000
3	Cộng (1+2)	2.621.400.000
4	Mức miễn thường: 10% tổn thất, tối thiểu 20.000.000/vụ tổn thất	262.140.000
5	Số tiền phải bồi thường: (3-4)	2.359.260.000

2.4 Xét yêu cầu tính lãi đối với số tiền bảo hiểm chậm thanh toán:

Theo Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm về Thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường quy định: *Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp B2 phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.*

Theo các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và trình bày thể hiện, ngày 28/6/2021 Công ty H5 có văn bản yêu cầu MIC bồi thường số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, tại thời điểm này Công ty G mới có báo cáo sơ bộ ngày 19/4/2021 và Báo cáo chuyển tiếp ngày 15/6/2021 nên thời điểm ngày 28/6/2021 chưa được xác định là ngày người được bảo hiểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

Ngày 07/8/2021, Công ty G có Báo cáo cuối cùng xác định nguyên nhân tổn thất. Tại Văn bản số 818/2021/MIC-GĐBT-TSKT ngày 17/9/2021, MIC có thông báo giải quyết khiếu nại bảo hiểm trong đó xác định sự kiện bảo hiểm, phương án giải quyết bồi thường là 458.013.141 đồng và đề nghị Công ty H5 xác nhận để MIC tiến hành thanh toán theo các điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. Trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu bồi thường và khiếu nại của Công ty H5, MIC không yêu cầu Công ty phải bổ sung tài liệu hay hồ sơ yêu cầu bảo hiểm còn thiếu. Đồng thời, tại Văn bản phúc đáp ngày 08/4/2022 của MIC trả lời khiếu nại của Công ty H5 vẫn xác nhận sự kiện bảo hiểm và phương án giải quyết bồi thường là 458.013.141 đồng như Văn bản số 818/2021/MIC-GĐBT-TSKT ngày 17/9/2021. Do đó, có cơ sở xác định MIC đã chấp nhận hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Công ty H5 từ ngày 17/9/2021 nên xác định MIC phải có nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm cho Công ty H5 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 17/9/2021, tức là từ ngày 03/10/2021.

Căn cứ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: - *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian*

chậm trả. Do đó, Công ty H5 yêu cầu MIC phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty H5 không đồng ý với giá trị bồi thường của MIC nên MIC không phải chịu lãi chậm trả là không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty H5 yêu cầu mức lãi suất 10% là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H5 chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả đối với một phần số tiền bảo hiểm 888.671.369 đồng, mức lãi suất 10% năm. Còn đối với số tiền còn lại theo Hợp đồng bảo hiểm thì không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán do các bên có cách hiểu khác nhau, hiện còn đang tranh chấp. Số tiền lãi MIC phải thanh toán cho Công ty H5 tạm tính từ ngày 03/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/5/2024 (943 ngày) là:

888.671.369 đồng x 10%/năm x 943 ngày = 229.593.726 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bảo hiểm MIC phải thanh toán cho Công ty H5 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/5/2024 là: **2.588.853.726 đồng**, trong đó: tiền gốc **2.359.260.000 đồng** và tiền lãi chậm trả là **229.593.726 đồng**.

2.5 Về yêu cầu của Công ty H5 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần bản án sơ thẩm tuyên buộc MIC phải thanh toán tiền bảo hiểm cho Công ty H5 (là bên mua bảo hiểm) mà không phải là cho Công ty C1.

Xét thấy:

Điều 10 Hợp đồng bảo hiểm quy định: “*Trong mọi trường hợp phát sinh trách nhiệm bồi thường bởi Công ty Bảo hiểm đối với tài sản được bảo hiểm thì bên được thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm đầu tiên và duy nhất là: + Đơn vị Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1...*”. Như vậy, người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm ký giữa Công ty TNHH MTV H5 là Công ty C1. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên số tiền bảo hiểm được MIC thanh toán cho người thụ hưởng là Công ty C1 là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 10 Hợp đồng bảo hiểm. Do đó, đề nghị của Công ty H5 là không có cơ sở.

2.6 Về yêu cầu của Công ty H5 sau khi thanh toán xong tiền bồi thường, đề nghị Tòa án giao lại tài sản bảo hiểm là cần trục bánh xích cho Công ty H5 được xử lý theo quy định.

Xét thấy:

Cần trục bánh xích là đối tượng của Hợp đồng cho thuê tài chính số B2101143C3 ngày 15/01/2021 giữa bên cho thuê là Công ty C1 và bên thuê là Công ty H5.

Tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng cho thuê tài chính có thỏa thuận: “*tài sản thuê được Bên cho thuê mua theo yêu cầu của Bên thuê thông qua Hợp đồng mua tài sản và thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê*”.

Tại khoản 22.1 Điều 22 của Hợp đồng cho thuê tài chính có thỏa thuận: “*Bên thuê xác nhận rằng quyền sở hữu đối với Tài sản thuê sau khi bàn giao cho Bên thuê vẫn thuộc về Bên cho thuê, và Bên thuê không được chuyển giao, bán, chào bán, chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp, cầm cố hay bằng cách khác xử lý tài sản thuê hoặc có bất kỳ hành động nào xâm phạm đến quyền sở hữu của Bên cho thuê; và Bên thuê không được cho phép bất cứ bên thứ ba nào chiếm hữu hay sử dụng tài sản thuê mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cho thuê. Bên thuê cũng không được cho bất kỳ bên thứ ba nào thuê lại Tài sản thuê trừ khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của B1 cho thuê*”.

Như vậy, mặc dù Công ty H5 là người quản lý, trực tiếp sử dụng tài sản thuê nhưng quyền sở hữu đối với tài sản thuê thuộc Công ty C1. Hiện nay, nội dung giải quyết tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm nên yêu cầu của Công ty H5 đề nghị giao tài sản Cần trục bánh xích là đối tượng của Hợp đồng cho thuê tài chính cho Công ty H5 xử lý là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Do đó, trường hợp Công ty H5 có yêu cầu về việc xử lý tài sản thuê thì phải căn cứ vào các thỏa thuận tại Hợp đồng thuê tài chính để thỏa thuận với Công ty C1 về xử lý tài sản.

Từ những phân tích trên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của Công ty H5, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Điều 299, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 29, 30, 40, 41, 43, 46, 47, 48 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2019.

- Căn cứ Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV H5, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV H5 đối với Tổng Công ty CP H5.

2. Buộc Tổng Công ty CP H5 phải bồi thường thiệt hại phát sinh từ sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với tài sản bảo hiểm là cần trục bánh xích hiệu: NIPPON SHARYO DH600; SK: 64008; SM: 65482 theo Hợp đồng bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu số 313/21/HD-KT.3/061-BGD ngày 27/01/2021 giữa Công ty TNHH MTV H5 đối với Tổng Công ty CP H5, với số tiền bồi thường là **2.588.853.726 đồng** (hai tỷ năm trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: tiền gốc **2.359.260.000 đồng** và tiền lãi chậm trả là **229.593.726 đồng**.

Số tiền bồi thường nêu trên được Tổng công ty CP H5 thanh toán cho người thụ hưởng là Công ty C1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty CP H5 còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện số tiền bảo hiểm mà Công ty TNHH MTV H5 đã rút yêu cầu khởi kiện.

4. Bác các yêu cầu khác của nguyên đơn.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Tổng Công ty CP H5 phải chịu **83.777.075 đồng** (Tám mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi năm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Công ty TNHH MTV H5 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm **55.993.750 đồng** (năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032332 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Án phí phúc thẩm:

H4 lại cho Công ty TNHH MTV H5 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0064528 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Lập

Hoàng Ngọc Thành

Bùi Đức Bằng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. ĐĐ;
- Chi cục THADS Q. ĐĐ;
- Các Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng